

HIỆU QUẢ VÀ ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HUYỆN YÊN PHONG, TỈNH BẮC NINH

Khuong Mạnh Hà¹, Xuân Thị Thu Thảo²

¹Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang

²Trường Đại học Lâm nghiệp

TÓM TẮT

Kết quả nghiên cứu cho thấy, diện tích đất sản xuất nông nghiệp của huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh là 4762,01 ha, chiếm 49,13% tổng diện tích tự nhiên, phân bố trên địa bàn 14 xã, thị trấn của huyện. Các kiểu sử dụng đất chính hiện tại của huyện chưa phong phú, thiếu sự đa dạng (có 3 loại hình sử dụng đất với 6 kiểu sử dụng đất ở tiểu vùng 1 và 5 kiểu sử dụng đất ở tiểu vùng 2), địa phương chưa khai thác hết tiềm năng hiện có của huyện về vị trí địa lý, đất đai, lao động và thị trường. Về cơ bản hiệu quả tổng hợp của các loại hình sử dụng đất của huyện (LUT) đạt mức từ trung bình đến cao, riêng LUT chuyên lúa cho hiệu quả tổng hợp đạt mức thấp ở cả hai tiểu vùng. Định hướng sử dụng đất sản xuất nông nghiệp của huyện trong những năm tới là chuyển đổi một phần diện tích LUT chuyên lúa và lúa màu kém hiệu quả sang đất LUT chuyên màu ở những vùng có điều kiện phù hợp, đồng thời thực hiện các biện pháp luân canh, đa dạng các loại cây trồng theo hướng sản xuất hàng hóa. Để nâng cao hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp của huyện Yên Phong cần phải thực hiện các nhóm giải pháp đồng bộ: giải pháp sử dụng đất gắn với quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa, giải pháp hỗ trợ vốn đầu tư cho nông hộ, giải pháp về thị trường tiêu thụ nông sản, áp dụng khoa học công nghệ với bảo vệ môi trường sinh thái trong sản xuất nông nghiệp.

Từ khóa: đất sản xuất nông nghiệp, định hướng sử dụng đất, hiệu quả sử dụng đất, sử dụng đất.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việc đánh giá hiệu quả và đề xuất định hướng sử dụng đất sản xuất nông nghiệp bền vững có ý nghĩa quan trọng nhằm phục vụ xây dựng quy hoạch phát triển nông nghiệp của các địa phương trong thời kỳ hội nhập (Nguyễn Đức Nhuận và cs, 2021). Ngoài ra, nó có vai trò đặc biệt quan trọng đối với vùng nông thôn, tạo ra sản lượng nông sản như lương thực, thực phẩm liên quan trực tiếp tới thu nhập và đời sống của người nông dân (Nguyễn Văn Sán, 2009; Nguyễn Kim Hồng, Nguyễn Thị Bé Ba, 2011). Những năm gần đây cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường thì sử dụng đất nông nghiệp cũng có sự chuyển dịch quan trọng tạo ra nhiều sản phẩm theo hướng hàng hóa nhằm tăng thu nhập của người nông dân (Đỗ Văn Nhạ và cs, 2016) và phát triển nông nghiệp sinh thái (Vũ Thị Kim Cúc, 2014). Tuy nhiên để thực hiện mục tiêu phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau, trong đó có việc tích tụ ruộng đất, dồn điền đổi thửa (Xuân Thị Thu Thảo và cs, 2015). Việc lựa chọn và định hướng các loại hình sử dụng đất dựa trên việc đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường (Đỗ Văn Nhạ và cs 2016) có cơ sở khoa học và thực tiễn.

Yên Phong là huyện thuộc tỉnh Bắc Ninh, nằm trong vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng

có diện tích tự nhiên là 9.693,04 ha. Trong đó đất sản xuất nông nghiệp là 4762,01 ha chiếm 49,13% tổng diện tích đất tự nhiên của huyện. Thổ nhưỡng của huyện tương đối màu mỡ thích hợp với nhiều loại cây trồng, đáp ứng được nhu cầu của kinh tế thị trường hiện nay. Những năm gần đây, việc thu hồi đất sản xuất nông nghiệp trong huyện để chuyển đổi sang mục đích xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình công cộng, công nghiệp, khu đô thị đã diễn ra khiến diện tích đất sản xuất nông nghiệp của huyện ngày càng bị thu hẹp. Mặt khác, sản xuất nông nghiệp quy mô nhỏ, cơ cấu chưa hợp lý, sử dụng đất nông nghiệp chưa xứng đáng với tiềm năng, nông sản hàng hóa chưa có sức cạnh tranh trên thị trường. Vì vậy, việc định hướng sử dụng đất sản xuất nông nghiệp nhằm khai thác tốt nhất tài nguyên đất, đem lại hiệu quả kinh tế cao, đồng thời bảo vệ môi trường đất và sinh thái việc làm hết sức quan trọng và cần thiết.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp thu thập tài liệu thứ cấp

Thu thập tài liệu, số liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, số liệu liên quan đến sử dụng đất sản xuất nông nghiệp của địa phương từ các cơ quan phòng ban chuyên môn tại huyện Yên Phong. Đồng thời tham khảo tài liệu đã được công bố trên các tạp chí chuyên ngành và các phương tiện thông tin đại chúng.

2.2. Phương pháp thu thập tài liệu sơ cấp

Căn cứ vào vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và địa hình, huyện Yên Phong được chia thành 2 tiểu vùng. Mỗi tiểu vùng có đặc trưng về thổ nhưỡng và cây trồng khác nhau. Cụ thể: Tiểu vùng 1 gồm 10 xã và 1 thị trấn, có địa hình tương đối bằng phẳng, chủ động trong tưới tiêu, thành phần cơ giới đất nhẹ đến trung bình. Loại cây trồng chính là chuyên màu, lúa màu, và 2 vụ lúa. Tiểu vùng 2 gồm 3 xã, có địa hình úng trũng, tiêu thoát nước kém. Loại đất tại địa phương chủ yếu là đất phù sa úng nước có thành phần cơ giới từ thịt nặng đến đất sét. Cây trồng chủ yếu là lúa và một số loại cây màu, về mùa mưa nước ngập sâu có nơi đến 0,5 m nên vụ mùa thường trồng ít hơn.

Để thuận tiện trong việc thu thập số liệu sơ cấp nghiên cứu chọn tại 2 xã đại diện cho 2 tiểu vùng: xã Hòa Tiến (tiểu vùng 1), xã Tam Đa (tiểu vùng 2).

Theo số liệu thống kê đến năm 2020 tổng số hộ sản xuất nông nghiệp của hai xã là 933 hộ; trong đó xã Hòa Tiến 398 hộ, xã Tam Đa 535 hộ.

Căn cứ vào công thức xác định cỡ mẫu điều tra xã hội học quy định tại quyết định 2640/QĐ-BNV ngày 10/10/2017 cụ thể như sau:

$$n = \frac{N}{1 + N * e^2}$$

Trong đó: n: Cỡ mẫu điều tra;

N: Tổng số hộ sản xuất nông nghiệp tại 2 xã điều tra;

e: Sai số cho phép (10%).

Dựa vào công thức trên $n = 90,342$. Do đó nghiên cứu đã tiến hành điều tra ngẫu nhiên 100 hộ (trong đó xã Tam Đa 57 hộ và xã Hòa Tiến 43 hộ) thông qua nội dung của phiếu điều tra được thiết kế sẵn: đặc điểm ruộng đất của hộ (diện tích, địa hình, loại đất); các LUT và kiểu sử dụng đất của hộ; cây trồng (các loại, giống

cây, mức năng xuất, giá trị sản phẩm), tình trạng bón phân (mức bón trung bình, tính cân đối, kỹ thuật bón phân), chi phí sản xuất, giá trị vật tư và nông sản phẩm...

2.3. Phương pháp phân tích và xử lý số liệu

Trên cơ sở số liệu, tài liệu thu thập được, tiến hành tổng hợp, phân loại thành các nhóm thôn tin: Loại đất, loại cây trồng, các khoản chi phí, khả năng tiêu thụ... Dựa trên cơ sở các chỉ tiêu số tuyệt đối, số tương đối, số bình quân, bằng phương pháp thống kê mô tả, so sánh để biết được sự biến động các chỉ tiêu qua các năm để rút ra kết luận. Các số liệu được xử lý bằng phần mềm Excel.

2.4. Phương pháp đánh giá hiệu quả sử dụng đất

Các loại hình sử dụng đất của địa phương được phân cấp đánh giá tổng hợp căn cứ trên 3 nhóm chỉ tiêu về hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội và hiệu quả môi trường. Trong đó:

- Hiệu quả về kinh tế (Tính trên 1ha/năm gồm: giá trị sản xuất (GTSX); chi phí trung gian (CPTG); giá trị gia tăng (GTGT), hiệu quả đồng vốn (HQĐV). Trong đó:

$GTSX = Sản\ lượng * giá\ thành; GTGT = GTSX - CPTG; HĐĐV = GTGT/CPTG$

- Hiệu quả xã hội: Khả năng thu hút lao động (Số công lao động: CLĐ), giá trị ngày công lao động (GTNC). $GTNC = GTGT/CLĐ$.

- Hiệu quả môi trường: Xem xét mức độ sử dụng phân bón và thuốc BVTV thực tế so với mức khuyến cáo theo tiêu chuẩn của Chi cục Trồng trọt và BVTV tỉnh Bắc Ninh.

Các chỉ tiêu về hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội, hiệu quả môi trường và hiệu quả tổng hợp được đánh giá và phân cấp ở các mức độ: Cao, trung bình và thấp (theo bảng 1, 2, 3, 4). Các chỉ tiêu phân cấp được tham khảo tại Thông tư 60/2015/TT-BTM&MT quy định về kỹ thuật điều tra và đánh giá đất đai.

Bảng 1. Phân cấp hiệu quả kinh tế các LUT

Cấp độ đánh giá		Chỉ tiêu đánh giá			Đánh giá tổng hợp
		GTSX (Triệu đồng)	GTGT (Triệu đồng)	HQĐV (lần)	
Cao	***	>120	>100	>3	≥ 8
Trung bình (TB)	**	50-120	60 – 100	1,5-3	6-7
Thấp	*	<50	<60	<1,5	≤5

Bảng 2. Phân cấp hiệu quả xã hội các LUT

Cấp đánh giá	Số công LĐ (công)	Giá trị ngày công (1000đ)	Đánh giá tổng hợp	
Cao	***	>700	>200	≥ 6*
Trung bình: TB	**	400 - 700	150 - 200	4*-5*
Thấp	*	<400	<150	≤3*

Bảng 3. Phân cấp hiệu quả môi trường các LUT

Cấp đánh giá	Mức sử dụng phân bón	Mức sử dụng thuốc BVTV	Đánh giá tổng hợp	
Cao	***	Nằm trong định mức	Nằm trong định mức	≥ 6*
Trung bình	**	Dưới định mức	Dưới định mức	4*-5*
Thấp	*	Vượt quá định mức	Vượt quá định mức	≤3*

Bảng 4. Phân cấp đánh giá hiệu quả tổng hợp (kinh tế, xã hội và môi trường)

STT	Cấp đánh giá	Đánh giá tổng hợp
1	Cao	≥ 15*
2	Trung bình (TB)	11* - 14*
3	Thấp	≤ 10*

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Hiện trạng các loại hình sử dụng đất huyện Yên Phong

Theo số liệu thống kê đến 31/12/2020, diện tích đất sản xuất nông nghiệp (SXNN) toàn huyện năm 2020 là 4672,01 ha, chiếm 49,13%

tổng diện tích tự nhiên, trong đó diện tích tại tiểu vùng 1 (11 xã) là 3475,08 ha, chiếm với 72,98% diện tích SXNN toàn huyện; tiểu vùng 2 (3 xã) là 1286,93 ha, chiếm 27,02% diện tích SXNN toàn huyện (bảng 5).

Bảng 5. Hiện trạng diện tích đất sản xuất nông nghiệp theo các tiểu vùng huyện Yên Phong

Tiểu vùng	Tên xã, thị trấn	Diện tích tự nhiên (ha)	Đất SX nông nghiệp			
			Diện tích (ha)	(%) so với DT đất SXNN huyện	(%) so với DTTN	
Tiểu vùng 1	1. TT Chờ	838,51	451,46	9,48	53,84	
	2. Đông Phong	633,38	269,97	5,67	42,62	
	3. Đông Thọ	546,64	253,96	5,33	46,46	
	4. Long Châu	629,14	264,89	5,56	42,10	
	5. Yên Trung	999,19	282,51	5,93	28,27	
	6. Thụy Hòa	596,93	327,77	6,88	54,91	
	7. Hòa Tiến*	625,01	369,96	7,77	59,19	
	8. Đông Tiến	543,79	274,13	5,76	50,41	
	9. Yên Phụ	553,96	282,51	5,93	51,00	
	10. Trung Nghĩa	776,83	505,02	10,61	65,01	
	11. Văn Môn	424,55	192,9	4,05	45,44	
Tổng (1)		7167,93	3475,08	72,98	48,48	
Tiểu vùng 2	1. Tam Giang	868,32	397,79	8,35	45,81	
	2. Tam Đa*	821,85	485,91	10,20	59,12	
	3. Dũng Liệt	834,94	403,23	8,47	48,29	
	Tổng (2)		2525,11	1286,93	27,02	50,97
	Toàn huyện		9693,04	4762,01	100	49,13

* Xã điểm nghiên cứu

(Nguồn: UBND huyện Yên Phong, 2021)

Kết quả điều tra tại 2 xã đại diện ở 2 tiểu vùng cho thấy, tiểu vùng 1 có độ dốc nhỏ, phần lớn diện tích ruộng rất bằng phẳng và màu mỡ,

nguồn nước tưới tiêu canh tác rất thuận lợi, cho phép phát triển hệ sinh thái đa dạng với nhiều loại cây trồng có giá trị kinh tế cao. Ngược lại,

Kinh tế & Chính sách

tiểu vùng 2, địa hình đất đai có độ chia cắt khá mạnh, nhiều diện tích có độ trũng cao, mùa mưa đến thường khó canh tác, đất ở vùng này chủ

yếu là đất sét nặng, thích hợp nhất vẫn là trồng lúa (bảng 6).

Bảng 6. Một số loại hình sử dụng đất chính trên địa bàn huyện Yên Phong

STT	Loại hình sử dụng đất (LUT)	Kiểu sử dụng đất chính	Diện tích (ha)	Tổng (ha)	Tỷ lệ (%)
I	Tiểu vùng 1		3.357,3	3.357,3	100,00
1	Chuyên lúa	1. LX - LM	2.324,7	2.324,7	69,24
2	Lúa - màu	2. LX - LM - Cà chua	251,6	888,2	26,46
		3. LX - LM - Khoai tây	482,3		
		4. LX - LM - Su hào	154,3		
3	Chuyên màu	5. Bí xanh - Bắp cải	66,2	144,4	4,30
		6. Cà chua - Khoai tây	78,2		
II	Tiểu vùng 2		1.242,8	1.242,8	100,00
1	Chuyên lúa	1. LX - LM	825,3	825,3	66,41
2	Lúa - màu	2. LX - LM - Bắp cải	239,5	315,3	25,37
		3. LX - LM - Su hào	75,8		
3	Chuyên màu	4. Lạc xuân - Dưa chuột - Khoai tây	43,5	102,2	8,22
		5. Khoai lang - Su hào	58,7		

(Nguồn: Phòng Nông nghiệp & PTNT huyện Yên Phong, 2021)

Qua số liệu bảng 6 cho thấy, trên địa bàn huyện Yên Phong có 3 loại hình sử dụng đất (LUT) với 6 kiểu sử dụng đất ở tiểu vùng 1 và 5 kiểu sử dụng đất ở tiểu vùng 2. Tại cả 2 tiểu vùng LUT chuyên lúa chiếm phần lớn diện tích với tỷ lệ diện tích lần lượt là 69,24% tại tiểu vùng 1 và 66,41% tại tiểu vùng 2. Tiếp đó là LUT lúa - màu chiếm tỷ lệ diện tích lần lượt là 26,46% ở tiểu vùng 1 và 25,37% ở tiểu vùng 2. LUT chuyên màu có diện tích nhỏ nhất ở cả 2 tiểu vùng với tỷ lệ diện tích lần lượt là 4,30% tại tiểu vùng 1 và 8,22% tại tiểu vùng 2. Có thể nhận thấy các kiểu

sử dụng đất của huyện chưa phong phú, thiếu đa dạng nên việc khai thác hết tiềm năng về nguồn lực đất đai và các điều kiện hiện có khác của huyện để thúc đẩy phát triển kinh tế nông hộ, nông nghiệp, nông thôn còn hạn chế.

3.2. Hiệu quả các LUT sản xuất nông nghiệp huyện Yên Phong

3.2.1. Hiệu quả kinh tế

Hiệu quả kinh tế các LUT trên địa bàn huyện được đánh giá dựa trên cơ sở phân cấp các chỉ tiêu GTSX, GTGT và HQĐV của các LUT (bảng 7).

Bảng 7. Hiệu quả kinh tế các LUT trên địa bàn huyện Yên Phong

LUT	Kiểu sử dụng đất	GTSX		GTGT		HQĐV		HQ kinh tế	
		1000đ	Mức	1000đ	Mức	Lần	Mức	Tổng	Đánh giá
Tiểu vùng 1									
Chuyên lúa	LX-LM	97.360	**	49.065	*	1,01	*	4*	Thấp
	LX-LM-Cà chua	434.720	***	290.265	***	2,00	**	8*	Cao
Lúa-màu	LX-LM-Su hào	224.240	***	136.405	***	1,55	**	8*	Cao
	LX-LM-Khoai tây	223.630	***	137.665	***	1,60	**	8*	Cao
Chuyên màu	Bí xanh-Bắp cải	450.246	***	358.385	***	3,90	***	9*	Cao
	Cà chua-Khoai tây	463.630	***	329.800	***	2,46	**	8*	Cao
Tiểu vùng 2									
Chuyên lúa	LX-LM	97.760	**	48.528	*	0,98	*	4*	Thấp
Lúa-màu	LX-LM-Bắp cải	393.068	***	297.364	***	3,10	***	9*	Cao
	LX-LM-Su hào	208.520	***	116.115	***	1,25	*	7*	TB
Chuyên màu	Lạc xuân - Dưa chuột - Khoai tây	323.670	***	215.703	***	1,99	**	8*	Cao
	Khoai lang-Su hào	184.200	***	116.097	***	1,70	**	8*	Cao

LX-LM: Lúa xuân - Lúa mùa.

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra)

Kết quả bảng 7 cho thấy, LUT chuyên lúa ở cả hai tiểu vùng đem lại hiệu quả kinh tế thấp. Các kiểu sử dụng đất của LUT lúa màu và LUT chuyên màu đều cho hiệu quả kinh tế đạt mức từ mức trung bình đến cao (hầu hết ở mức cao) do chủ yếu tập trung trồng nhiều các loại sản phẩm cây trồng thiết yếu, phục vụ cho nhu cầu tiêu thụ rau xanh trong tỉnh và các tỉnh,

thành phố lân cận, đặc biệt là thành phố Hà Nội đem lại nguồn thu nhập đáng kể cho các nông hộ.

3.2.2. Hiệu quả xã hội

Hiệu quả xã hội được đánh giá trên cơ sở phân cấp các tiêu chí số công lao động và giá trị ngày công của mỗi LUT.

Bảng 8. Hiệu quả xã hội các LUT trên địa bàn huyện Yên Phong

LUT	Kiểu sử dụng đất	Số công lao động		Giá trị ngày công		HQ xã hội	
		Công	Mức	1000đ	Mức	Tổng	Đánh giá
Tiểu vùng 1							
Chuyên lúa	LX-LM	478	**	102,64	*	3*	Thấp
Lúa-màu	LX-LM-Cà chua	988	***	293,79	***	6*	Cao
	LX-LM-Su hào	872	***	156,42	**	5*	TB
	LX-LM-Khoai tây	864	***	159,33	**	5*	TB
Chuyên màu	Bí xanh-Bắp cải	997	***	361,42	***	6*	Cao
	Cà chua-Khoai tây	891	***	370,14	***	6*	Cao
Tiểu vùng 2							
Chuyên lúa	LX-LM	493	**	98,43	*	3*	Thấp
Lúa-màu	LX-LM-Bắp cải	995	***	298,92	***	6*	Cao
	LX-LM-Su hào	921	***	126,07	*	4*	TB
Chuyên màu	Lạc xuân - Dưa chuột - Khoai tây	989	***	218,10	***	6*	Cao
	Khoai lang-Su hào	764	***	151,95	**	5*	TB

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra)

Qua số liệu bảng 8 cho thấy, hầu hết các kiểu sử dụng đất ở các LUT chuyên màu ở cả 2 tiểu vùng đều đem lại hiệu quả xã hội ở mức trung bình đến cao do thu hút nhiều công lao động và đem lại nguồn thu nhập tốt cho nông hộ. Thực tế cho thấy, các loại cây lương thực (thuộc LUT chuyên lúa, LUT lúa màu) ở hai tiểu vùng dù đem lại hiệu quả xã hội ở mức trung bình và thấp song vẫn được các nông hộ lựa chọn vì phổ biến dễ trồng, dễ chăm sóc, phù hợp với điều kiện về đất đai và nguồn lực lao động của nông hộ.

3.2.3. Hiệu quả môi trường

Việc đánh giá hiệu quả môi trường của các LUT dựa trên cơ sở tổng hợp và so sánh mức độ sử dụng phân bón (đặc biệt là phân bón hóa học), thuốc BVTV thực tế đối với từng loại cây trồng với tiêu chuẩn cho phép (theo khuyến cáo của

Chi cục Trồng trọt và BCTV, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của tỉnh Bắc Ninh). Kết quả được thể hiện ở bảng 9.

Qua bảng 9 cho thấy, các LUT của huyện cho hiệu quả môi trường ở mức thấp đến trung bình, đặc biệt LUT chuyên lúa và chuyên màu thường cho hiệu quả môi trường đạt mức thấp. Nguyên nhân là do sức ép của việc tăng năng suất cây trồng, đảm bảo an ninh lương thực, thực phẩm, nâng cao nguồn thu nhập cho nông hộ, cùng với đó là sự hạn chế trong nhận thức và kinh nghiệm dẫn đến tình trạng lạm dụng phân bón hóa học, thuốc BVTV của một bộ phận nông hộ khá phổ biến. Hệ quả của vấn đề này dẫn đến vấn đề tăng chi phí sản xuất, gây nguy cơ mất an toàn thực phẩm, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe và môi trường.

Bảng 9. Hiệu quả môi trường các LUT trên địa bàn huyện Yên Phong

LUT	Kiểu sử dụng đất	Mức độ sử dụng phân bón	Mức độ sử dụng thuốc BVTV	Hiệu quả môi trường	
				Tổng	Đánh giá
Tiểu vùng 1					
Chuyên lúa	LX-LM	*	**	3*	Thấp
Lúa-màu	LX-LM-Cà chua	*	***	4*	TB
	LX-LM-Su hào	*	***	4*	TB
	LX-LM-Khoai tây	*	***	4*	TB
Chuyên màu	Bí xanh - Bắp cải	*	*	2*	Thấp
	Cà chua - Khoai tây	*	*	2*	Thấp
Tiểu vùng 2					
Chuyên lúa	LX-LM	*	**	3*	Thấp
Lúa-màu	LX-LM-Bắp cải	*	***	4*	TB
	LX-LM-Su hào	*	**	3*	Thấp
Chuyên màu	Lạc xuân - Dưa chuột - Khoai tây	***	*	4*	TB
	Khoai lang - Su hào	***	**	5*	TB

3.2.4. Hiệu quả tổng hợp

Hiệu quả tổng hợp được đánh giá trên cơ sở xem xét kết quả đánh giá tổng hợp về hiệu quả

kinh tế, hiệu quả xã hội và hiệu quả môi trường của các LUT (bảng 10).

Bảng 10. Hiệu quả tổng hợp các LUT trên địa bàn huyện Yên Phong

LUT	Kiểu sử dụng đất	Hiệu quả kinh tế	Hiệu quả xã hội	Hiệu quả môi trường	Hiệu quả tổng hợp	
					Tổng	Đánh giá
Tiểu vùng 1						
Chuyên lúa	LX-LM	4*	3*	3*	10*	Thấp
Lúa-màu	LX-LM-Cà chua	8*	6*	4*	18*	Cao
	LX-LM-Su hào	8*	5*	4*	17*	Cao
	LX-LM-Khoai tây	8*	5*	4*	17*	Cao
Chuyên màu	Bí xanh - Bắp cải	9*	6*	2*	17*	Cao
	Cà chua - Khoai tây	8*	6*	2*	16*	Cao
Tiểu vùng 2						
Chuyên lúa	LX-LM	4*	3*	3*	10*	Thấp
Lúa-màu	LX-LM-Bắp cải	9*	6*	4*	19*	Cao
	LX-LM-Su hào	7*	4*	3*	14*	TB
Chuyên màu	Lạc xuân - Dưa chuột - Khoai tây	8*	6*	4*	18*	Cao
	Khoai lang - Su hào	8*	5*	6*	19*	Cao

Số liệu bảng 10 cho thấy, các kiểu sử dụng đất ở các LUT về cơ bản đều cho hiệu quả tổng hợp đạt mức cao do hầu hết đều mang lại hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội đạt mức trung bình đến cao. Tuy nhiên, kiểu sử dụng đất Lúa xuân-Lúa mùa-Su hào tại tiểu vùng 2 cho hiệu

quả tổng hợp đạt mức trung bình do hiệu quả xã hội và môi trường đạt mức thấp. Riêng LUT chuyên lúa ở cả hai tiểu vùng cho hiệu quả tổng hợp đạt mức thấp do hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường chỉ đạt mức từ trung bình đến thấp song vẫn được nông hộ lựa chọn vì đây là LUT

canh tác truyền thống, phù hợp với điều kiện sản xuất và lao động thực tế của nông hộ.

3.3. Định hướng sử dụng đất sản xuất nông nghiệp huyện Yên Phong

3.3.1. Căn cứ đề xuất định hướng sử dụng đất sản xuất nông nghiệp huyện Yên Phong

- Căn cứ Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; phương án quy hoạch phát triển tổng thể kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Ninh, quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh, quan điểm chủ trương phát triển nông nghiệp của tỉnh.

- Căn cứ kết quả đánh giá hiệu quả tổng hợp và mức độ bền vững của các LUT để phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa trong xu thế hội nhập.

- Căn cứ vào kết quả dự báo nhu cầu tiêu thụ, khả năng tiếp cận và đáp ứng nhu cầu sản phẩm nông nghiệp của thị trường nội địa và xuất khẩu.

- Căn cứ vào sự tiến bộ và tiềm năng phát triển của khoa học công nghệ được ứng dụng vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp như: công nghệ sinh học tạo giống mới đột phá về năng suất, chất lượng, khả năng chống chịu, kháng bệnh và những điều kiện của thời tiết, biến đổi khí hậu, các sản phẩm phân bón, công nghệ thủy canh, khí canh, tưới tiết kiệm nước, điều khiển dinh dưỡng cho cây trồng vật nuôi...

3.3.2. Định hướng sử dụng đất sản xuất nông nghiệp huyện Yên Phong

Đất sản xuất nông nghiệp được nghiên cứu sử dụng theo hướng phát triển nền nông nghiệp sinh thái bền vững có hiệu quả kinh tế cao, trên cơ sở khai thác hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên và nguồn lực lao động ở trong tỉnh, cũng như tạo nguồn nguyên liệu hỗ trợ cho phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại, trong đó:

- Giảm dần diện tích LUT chuyên lúa và LUT lúa - màu, chuyển diện tích sang đất phi nông nghiệp với mục đích sử dụng khác. Cần đưa vào sử dụng các giống lúa hàng hóa, chất lượng cao như Khang dân, Q5, PC15, SYN6, Thiên ưu tám, nếp các loại... để tăng năng suất, sản lượng thóc.

- Tăng diện tích LUT chuyên màu từ một phần diện tích chuyên lúa và lúa màu có hiệu quả kinh tế thấp ở tiểu vùng 1. Đẩy mạnh luân canh các cây trồng rau (kết hợp các loại cây họ đậu để cải tạo đất), có năng suất cao, đa dạng hóa các kiểu sử dụng đất nhằm khai thác tối đa lợi thế về nguồn lực đất đai, lao động, cung cấp sản phẩm nông nghiệp hàng hóa đáp ứng nhu cầu của thị trường, đem lại hiệu quả kinh tế, giải quyết được vấn đề lao động, công ăn việc làm, nâng cao thu nhập và đời sống nông hộ.

Bảng 11. Định hướng sử dụng đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Yên Phong đến năm 2030

Các loại hình sử dụng đất (LUT)	Năm 2020			Định hướng đến năm 2030			Tăng, giảm (+,-)
	Tổng (ha)	TV1 (ha)	TV2 (ha)	Tổng (ha)	TV1 (ha)	TV2 (ha)	
Chuyên lúa	3.150,0	2.324,7	825,3	2.732,0	1.947,0	785,0	- 418,0
Lúa màu	1.203,5	888,2	315,3	1024,8	729,5	295,3	- 178,7
Chuyên màu	246,6	144,4	102,2	342,6	216,2	126,4	+ 96,0
Tổng	4.600,1	3.357,3	1.242,8	4.099,4	2.892,7	1.206,7	

3.3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp tại huyện Yên Phong

- *Giải pháp về quy hoạch:* quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp gắn chặt với quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội nhằm tạo ra các vùng chuyên canh, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Bố trí hợp lý các vùng sản xuất nông nghiệp trên cơ sở khai

thác triệt để lợi thế về điều kiện đất đai, đặc điểm khí hậu và nguồn lực lao động của vùng. Đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu cây trồng đặc biệt là chuyển đổi những vùng chuyên trồng lúa năng suất thấp sang LUT mới như nuôi trồng thủy sản, 1 vụ lúa 2 vụ màu nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của các loại nông sản hàng hóa trên thị trường.

- *Giải pháp về thị trường:* Với định hướng sản xuất theo hướng hàng hóa các sản phẩm nông sản, trong thời gian tới cần nhanh chóng hình thành chợ đầu mối, các tổ chức hợp tác tiêu thụ, chế biến nông sản trong nông thôn theo nguyên tắc tự nguyện bao tiêu đầu ra, hình thành các trung tâm nông nghiệp giúp nông dân có nhiều kênh tiêu thụ sản phẩm nông sản, nhất là các nông sản có tính chất mùa vụ như các loại rau, củ, quả vụ đông, giảm thiểu tác động tiêu cực của tình trạng “được mùa mất giá, được giá mất mùa” trong sản xuất nông nghiệp.

- *Giải pháp về khoa học công nghệ:* Áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ, nhất là các kỹ thuật về giống cây, giống con, bảo vệ thực vật, phân bón, vào sản xuất nông nghiệp. Địa phương cần hỗ trợ người dân khuyến khích đầu tư có chiều sâu, đổi mới công nghệ trong công nghiệp chế biến để tạo sản phẩm có giá trị cao.

- *Giải pháp về bảo vệ môi trường:* Để hạn chế người dân sử dụng thuốc BVTV hóa học, phân hóa học, địa phương cần thường xuyên tổ chức tuyên truyền về tác hại của phân hóa học và thuốc BVTV nếu không sử dụng đúng liều lượng, đặc biệt là sử dụng thuốc trừ cỏ. Khuyến khích người dân áp dụng biện pháp phòng trừ sâu bệnh tổng hợp IPM để giảm thiểu tác động xấu đến môi trường sinh thái. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường của các cấp, các ngành, địa phương và nhân dân. Triệt để thực hiện phương châm phát triển sản xuất nông nghiệp đi đôi với bảo vệ môi trường.

4. KẾT LUẬN

Yên Phong là một huyện có lợi thế nhất định về vị trí địa lý và nguồn tài nguyên thổ nhưỡng phù hợp với định hướng phát triển vùng sản xuất hàng hóa. Tuy nhiên, thực trạng các kiểu sử dụng đất ở các LUT hiện tại chưa phong phú, thiếu đa dạng, không khai thác được hết tiềm năng sẵn có của huyện để phát triển sản xuất nông nghiệp hiệu quả và bền vững. Kết quả đánh giá hiệu quả sử dụng đất của huyện cho thấy: các kiểu sử dụng đất ở LUT lúa màu và LUT chuyên màu tại 2 tiểu vùng của huyện đều đạt mức từ trung bình đến cao

(từ 14*-19*), riêng có LUT chuyên lúa đạt hiệu quả thấp (10*). Các kiểu sử dụng đất này đã mang lại hiệu quả xã hội là thu hút được nguồn lao động dồi dào tại địa phương, tuy nhiên chưa áp dụng khoa học công nghệ trong quá trình sản xuất. Do sức ép của việc tăng năng suất cây trồng, bảo vệ mùa màng, đảm bảo an ninh, an toàn lương thực nên vẫn tồn tại tình trạng lạm dụng phân bón hóa học, thuốc BVTV trong quá trình canh tác của các nông hộ làm tăng nguy cơ mất an toàn thực phẩm, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe và môi trường. Định hướng sử dụng đất sản xuất nông nghiệp trong thời gian tới của huyện là chuyển đổi diện tích các LUT chuyên lúa và LUT lúa màu kém hiệu quả sang LUT chuyên màu. Tại một số vùng ứng trưng hiệu quả LUT chuyên lúa quá thấp thì chuyển sang LUT nuôi trồng thủy sản và một số LUT khác phù hợp. Ngoài ra, để nâng cao hiệu quả sử dụng đất và phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa bền vững tại huyện Yên Phong cần thực hiện đồng bộ các giải pháp: về quy hoạch, về thị trường, về khoa học công nghệ, về bảo vệ môi trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Thị Kim Cúc (2014). Chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá ở thành phố Hải Phòng, Tạp chí Khoa học. Trường Đại học Hải Phòng, (1) trang 1418-1427.
2. Nguyễn Kim Hồng, Nguyễn Thị Bé Ba (2011). An ninh lương thực vùng đồng bằng sông Cửu Long. Tạp chí Khoa học, 32. Trường ĐH Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, trang 3-15.
3. Đỗ Văn Nhạ, Trần Thanh Toàn (2016). Đánh giá thực trạng sử dụng đất nông nghiệp theo hướng hàng hoá trên địa bàn huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Tạp chí Khoa học và Phát triển, 14 (5), trang 762-771.
4. Nguyễn Đức Nhuận, Nguyễn Thu Thủy, Nguyễn Đình Thi, Ngô Tiến Thống (2021). Đánh giá hiệu quả và định hướng sử dụng đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Tạp chí Khoa học đất số 63/2021, trang 100-106.
5. Nguyễn Văn Sán (2009). An ninh lương thực quốc gia: Nhìn từ khía cạnh nông dân trồng lúa và giải pháp liên kết vùng và tham gia “4 nhà” tại vùng ĐBSCL. Tạp chí Khoa học, 12. Trường Đại học Cần Thơ, trang 171-181.
6. Xuân Thị Thu Thảo, Phạm Phương Nam, Hồ Thị Lam Trà (2015). Kết quả dồn điền đổi thửa trên địa bàn tỉnh Nam Định. Tạp chí Khoa học và Phát triển, tập 13 số 6. Học viện Nông nghiệp Việt Nam, trang 931-942.

EFFICIENCY AND ORIENTATION OF AGRICULTURAL LAND USE IN YEN PHONG DISTRICT, BAC NINH PROVINCE

Khuong Manh Ha¹, Xuan Thi Thu Thao²

¹*Bac Giang Agriculture and Forestry University*

²*Vietnam National University of Forestry*

SUMMARY

The research results showed that the agricultural land area of Yen Phong district, Bac Ninh province is 4762.1ha, accounting for 49.13% of the total natural area, distributed outspread in 14 communes and towns of this district. The district's current land use types are not diverse (only 3 types of land use with 6 land-use types in sub-region 1 and 5 land-use types in sub-region 2), haven't taken full advantage of geographical location, land, labor, and markets. The combined efficiency of land use types (LUT) is from medium to high, with the combined efficiency of LUT for rice is low in both sub-regions. The orientation to use agricultural land in the coming years is the conversion from low-efficiency LUT for rice to LUT for crops in suitable areas, along with implement crop rotation methods, diversify crops towards the production of commodity agricultural products. Several solutions to improve the efficiency of agricultural land use: land use associated with the planning of commodity agricultural production areas, support of investment capital for farmers, market solutions for agricultural products, science and technology application in ecological environment protection in agricultural production.

Keywords: agricultural production land, land use, land use efficiency, land use orientation.

Ngày nhận bài : 24/8/2021

Ngày phản biện : 27/9/2021

Ngày quyết định đăng : 07/10/2021